

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/08/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+RC3+RP1 ↪ 3	7:25	17+5+0	0+0+0		11+1+10	0+0+0	CHUYEN 3 RP2- RC3
2		TD3+CTK3	7:25	14+8	0+0		7+13	0+0	
3		P4+PPD	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
4		TD2	7:25	19	0		15	0	
5		RP3+RC4	7:25	21+1	0+0		15+1	0+0	
6		TD3+PPD	9:25	10+12	0+0		2+14	0+0	
7		P4+P6	9:25	21+1	0+0		17+4	0+0	
8		P9+RP2	9:25	3+16	0+0		0+22	0+0	
9		RP3+RC3	11:25	9+13	0+0		4+11	0+0	

TTĐĐSX

**Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
3 NGUOI CHUYEN RP2-RC3 VE CHUYEN CUOI**



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	TO: RP2 - RC3 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - NPhú - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	83	1	7	50	85	KH-THAC	Vietnamese
2	TARASENKO .A	RP2	84	1	10		74	KH-THAC	Russian
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	81	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐOÀN BÌNH	RP2	76	1	9		66	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN HUNG CUONG	RP2	82	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	85	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC CUONG	RP2	75	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ LAM	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	73	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	86	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN SAU	RP2	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI CÔNG	RP2	77	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ LÊ TRUNG	RC3	45	1	5	40	68	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG MINH KHÁNH	RC3	42	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN HAI VIỆT	RC3	49	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	43-44	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THẾ MẠNH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	15	79	1.230	50	11	43	CHUYEN 3 PAX TU RP2 SANG RC3
2	RC3	5	5	27	370	40	1		
3	RP1	0	0	0	0	15	10		
TOTAL		22	20	106	1.600	105	22		
WEIGHT KG				106	1.600	105			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD3 - CTK3	CREW: VThắng - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:15
nau-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.A	TD3	35	1	9		94	KH-THAC	Russian
2	ĐÀU HUY HOANG	TD3	36	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG ANH HUNG	TD3	62	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG XUÂN THÀNH	TD3	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TRUNG TIỀN	TD3	38	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC HUNG	TD3	45-46	2	18		75	SCHLUMB	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH VŨ	TD3	41-42	2	15		75	SCHLUMB	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ THẮNG	TD3	39-40	2	18		58	SCHLUMB	Vietnamese
9	VŨ DUY TIỀN	TD3	49-50	2	18		65	SCHLUMB	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD3	43-44	2	17		75	SCHLUMB	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN THỰC	TD3	47	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY HIẾU	TD3	48	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO NGỌC HAI	TD3	33	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HUNG	TD3	34	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH NGỌC HUNG	CTK3	47	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG YÊN	CTK3	46	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUANG HOA	CTK3	55-56	2	12	46	70	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯU MẠNH TIỀN	CTK3	58	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ TRI HAI	CTK3	50	1	14	11	63	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÔNG	CTK3	51-52	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
21	LAI VĂN MẠNH	CTK3	48-49	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM CÔNG HÌNH	CTK3	53-54	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	19	158	998	0	7		
2	CTK3	8	12	114	542	57	15		
TOTAL		22	31	272	1.540	57	22		
WEIGHT KG				272	1.540	57			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - PPD	CREW: Hồi - CHIẾN - NNam	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUDAKOV A.A	P4	08	1	10		110	KHI	Russian
2	ZHURBIN N.B	P4	09	1	10		96	KHI	Russian
3	ZAGYDAEV V.E	P4	10	1	5		78	KHI	Russian
4	PHẠM QUỐC DUY	P4	14	1	3		62	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NĂM	P4	18	1	3		60	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHÚC	P4	06-07	2	6		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	13	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	P4	11	1	3		69	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN MẠNH	P4					57	KHI	Vietnamese
10	HUYNH ĐỨC TÂM	P4	01	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN DUY ANH	P4	12	1	10	60	70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG CHUNG	P4	04	1	10	10	57	XAYLAP	Vietnamese
13	HỒ NGUYỄN HẬU	P4	02	1	10	10	62	XAYLAP	Vietnamese
14	GALLIAMOV	PPD	65	1	6		75	KH-THAC	Russian
15	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	69	1	3		75	KHI	Vietnamese
16	OKOVANSEV G.P	PPD	67	1	13	13	115	KHI	Russian
17	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	71	1	5	55	79	KHI	Vietnamese
18	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	70	1	5		75	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	72	1	3		67	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	73	1	5		68	KHI	Vietnamese
21	NGÔ SỸ THANH	PPD	77	1	3		84	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	66	1	9		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	13	83	917	80	13		
2	PPD	9	9	52	712	68	9		
TOTAL		22	22	135	1.629	148	22		
WEIGHT KG				135	1.629	148			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:27
FLIGHT: 4	TO: TD2	CREW: KIÊN - Hoài	ETA: 10:40
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	TD2	61-62	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSYMOW.	TD2	79	1	10		116	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD2	80-81	2	14	50	62	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	TD2	64	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	TD2	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	TD2	68	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CHÍNH	TD2	60	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN MẠNH	TD2	75-76	2	6		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TD2	71	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
10	K LY	TD2	77	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG THÔNG	TD2					68	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TIẾN VINH	TD2	70	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUỐC TIẾN	TD2	65	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NAM	TD2	67	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ DUY ĐỨC	TD2	66	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRẦN SƠN	TD2	63	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ QUỐC KHÁNH	TD2	69	1	5	10	70	PVGAS	Vietnamese
18	ĐO QUỐC TUẤN	TD2	72-73	2	15		74	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	21	127	1.280	60	15		
TOTAL		18	21	127	1.280	60	15		
WEIGHT KG				127	1.280	60			

GRAND TOAL: 1.467 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	TO: RP3 - RC4	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	REVIKIN V.N	RP3	69	1	10	33	97	KHI	Russian
2	LÂM TIẾN PHI	RP3	76	1	5		77	KHI	Vietnamese
3	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	78	1	4		68	KHI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	75	1	8		77	KHI	Vietnamese
5	HA VĂN THUY	RP3	77	1	4		72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KÝ	RP3	71	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	74	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC KHANH	RP3					86	KHI	Vietnamese
9	VÕ ĐÓN LONG	RP3	73	1	8		67	KHI	Vietnamese
10	HOANG VĂN HAI	RP3	79	1	8		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
12	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	72	1	12		60	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG LINH	RP3	70	1	3		70	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN NHAN	RP3	67-68	2	22		74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH DUNG	RP3	85	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	RP3	82-83	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
18	LÀ TUÂN LINH	RP3	84	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG THAI TAI	RP3	87	1	9		79	XAYLAP	Vietnamese
20	TRƯƠNG TẤN LỢI	RP3	86	1	20	44	87	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VIỆT QUỐC HUY	RP3	80-81	2	13		64	LỤC NAM	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU TUYẾN	RC4	09-10	2	20		60	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	21	171	1.566	77	20		
2	RC4	1	2	20	60	0	1		
TOTAL		22	23	191	1.626	77	21		
WEIGHT KG				191	1.626	77			

GRAND TOAL: 1.894 KG3

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	TO: TD3 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - NPhú - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HẢI LINH	TD3	52	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HẢI NAM	TD3	53	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	TD3	59-60	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
4	HUYNH KY MINH TUAN	TD3	58	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG ANH TUAN	TD3	63	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
6	DOAN VAN TRUONG	TD3	64	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI HONG SANG	TD3	55	1	10	14	90	XAYLAP	Vietnamese
8	VU XUAN CHINH	TD3	54	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẠO NGUYỄN DU MẠC	TD3	57	1	18	10	64	XAYLAP	Vietnamese
10	TRINH DAC HUNG	TD3	51	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN TUÂN	PPD	47	1	3	45	75	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD					86	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TU	PPD	48	1	9		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ THANH TRUNG	PPD	50	1	6		66	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	46	1	2		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD					56	KHI	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	43	1	5		55	KHI	Vietnamese
18	TRƯƠNG HAI HA	PPD	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	44-45	2	6		74	KHI	Vietnamese
20	LƯU VĂN ĐIẾP	PPD	49	1	5		66	NIPI	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG PHU	PPD	52	1	5		74	NIPI	Vietnamese
22	TRẦN QUANG MINH	PPD	5	1	5		73	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	123	684	24	2		
2	PPD	12	11	51	842	45	17		
TOTAL		22	22	174	1.526	69	16		
WEIGHT KG				174	1.526	69			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: P4 - P6	CREW: VThắng - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P4	30	1	9	10	71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	41	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	47	1	4		68	KHI	Vietnamese
4	VŨ NGỌC TUẤN	P4	45-46	2	10		84	KHI	Vietnamese
5	LÊ QUANG VINH	P4	37	1	10		71	KHI	Vietnamese
6	ĐÌNH VŨ TIẾN	P4	42	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN VIÊN	P4	25	1	5	13	82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P4	20	1	7	16	52	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HÙNG	P4	22	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC TIÊM	P4	23	1	10	9	74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ VĂN TUẤN	P4	28	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ PHÚC HOÀNG	P4	34	1	10	15	82	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÙNG	P4	27	1	7		58	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HẠNH	P4	32	1	9	10	82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ HỒNG THANH	P4	36	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P4	21	1	15		87	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ XUÂN ĐẠT	P4	38-39	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P4	44	1	13	10	77	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG VŨ	P4	40	1	11	12	48	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐẠO	P4	29	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TRƯỜNG	P6	64-65	2	11	10	59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	22	201	1.436	95	18		
2	P6	1	2	11	59	10	4		
TOTAL		21	24	212	1.495	105	22		
WEIGHT KG				212	1.495	105			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: P9 - RP2	CREW: Hoi - CHIEN - Nnam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUÝ DŨNG	P9	76	1	14	20	65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO HỮU TUYẾN	P9	79-80	2	22	25	70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG SY	P9	77-78	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG NGỌC LAN	RP2					83	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	92	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	93-94	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU QUAN	RP2	96	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	99	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	98	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG NGỌC THÀNH	RP2	97	1	4		100	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG TUYẾN	RP2	73	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN VIỆT	RP2	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG SỸ NGỌC	RP2	91	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ CÔNG MINH	RP2	197	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	35	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG QUAN	RP2	198	1	4		58	GETRACO	Vietnamese
19	HỒ VĂN THẢO	RP2	199	1	5		75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	3	5	56	195	45	0		
2	RP2	16	15	89	1.128	0	22		
TOTAL		19	20	145	1.323	45	22		
WEIGHT KG				145	1.323	45			

GRAND TOAL: 1.513 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: RP3 - RC3	CREW: Vận - VLinH - THỤ	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG PHƯƠNG NAM	RP3	59,900	2	16	103	62	LỤC NAM	Vietnamese
2	NGUYỄN BA HIỆP	RP3	99	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	PHẠM MINH ĐỨC	RP3	04-05	2	10		67	KHI	Vietnamese
4	VŨ VĂN QUY	RP3	60	1	10		82	KHI	Vietnamese
5	LÊ TU KHA	RP3	09	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
6	KHUC NGỌC HIẾU	RP3	06,08	2	11		89	PVGAS	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG SƠN	RP3	01,61	2	10		61	PVGAS	Vietnamese
8	ĐẶNG QUỐC TỰ	RP3	02-03	2	10		85	PVGAS	Vietnamese
9	ĐOÀN KIM NGÂN	RC3	35	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH TÙNG	RC3	31	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN THIẾT	RC3	30	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRẦN	RC3	50-51	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LONG	RC3	53-54	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
14	DƯƠNG TUẤN VIỆT	RC3	39	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VIỆT HUY	RC3	52	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ NHẬT TÂM	RC3	40	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH LỰC	RC3	36	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
18	CU CHI CÔNG	RC3	32-33	2	15	12	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGÔ THANH NAM	RC3	34	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÀO XUÂN THỌ	RC3	37	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM HỮU LAM	RC3	38	1	5		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	13	82	606	103	0		
2	RC3	13	16	135	835	12	11		
TOTAL		21	29	217	1.441	115	11		
WEIGHT KG				217	1.441	115			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN